

Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển.

GV: Lê Thị Hoan

Ngày soạn: 1/3/2026

Tiết 51: KIỂM TRA GIỮA KỲ I

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Phát hiện sự phân hóa về trình độ học sinh trong quá trình dạy học để đặt ra các biện pháp dạy học phân hóa cho phù hợp.
- Giúp học sinh biết được khả năng của mình so với mục tiêu đề ra của chương trình giáo dục phổ thông từ bài Hoa Kỳ, Liên Bang Nga, Nhật Bản (tự nhiên, dân cư)
- Qua bài kiểm tra nhằm đánh giá nhận thức của học sinh về kiến thức môn học.

2. Năng lực:

* Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. :
- Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học, phục vụ môn học.
- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.
- Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- TNKQ (70%)
- Tự luận (30%)

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, bản đồ, biểu đồ, câu hỏi ôn tập

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ ĐỊA 11-NĂM HỌC 2025-2026

PHẦN A: TRẮC NGHIỆM: 7 ĐIỂM

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN (3 ĐIỂM)

Câu 1: Đặc điểm vị trí địa lí của Hoa Kỳ là

- A. kéo dài từ chí tuyến Bắc đến xích đạo.
- C. tiếp giáp với Mê-hi-cô ở phía Bắc.

B. nằm hoàn toàn trong nội địa.

D. nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây.

Câu 2: Quần đảo Ha-oai của Hoa Kỳ nằm giữa đại dương nào sau đây?

- A. Bắc Băng Dương. B. Đại Tây Dương. C. Ấn Độ Dương. D. Thái Bình Dương.

Câu 3: Lãnh thổ Hoa Kỳ phần lớn nằm trong vành đai khí hậu

- A. xích đạo. B. nhiệt đới. C. ôn đới. D. hàn đới.

Câu 4: Đặc điểm cơ bản của khí hậu Hoa Kỳ là

- A. có khí hậu tương đối đồng nhất. B. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
C. tạo thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt. D. phân hóa đa dạng thành nhiều đới, kiểu khác nhau.

Câu 5: Vùng có mật độ dân số cao nhất của Hoa Kỳ là

- A. vùng Đông Bắc. B. vùng Đông Nam. C. vùng trung tâm. D. vùng phía Tây.

Câu 6: Dân cư Hoa Kỳ chủ yếu sống ở

- A. vùng nông thôn. B. vùng nội địa đất đai màu mỡ.
C. trung tâm các đô thị lớn. D. vùng phụ cận đô thị lớn và đô thị vệ tinh.

Câu 7: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vị trí địa lí của Liên bang Nga?

- A. Nằm ở châu lục Á, Âu. B. Nằm ở bán cầu Bắc.
C. Giáp với Thái Bình Dương. D. Giáp với Đại Tây Dương.

Câu 8: Hoa Kỳ là quốc gia rộng lớn nằm ở

- A. Trung Mỹ. B. Ca-ri-bê. C. Nam Mỹ. D. Bắc Mỹ.

Câu 9: Phần lãnh thổ trung tâm Hoa Kỳ nằm giữa

- A. Ca-na-đa và khu vực Mỹ La-tinh. B. Ca-na-đa và bán đảo A-lát-xca.
C. bán đảo A-lát-xca và Mê-hi-cô. D. đảo Grin-len và Mê-hi-cô.

Câu 10: Lãnh thổ Hoa Kỳ phần lớn nằm trong vành đai khí hậu

- A. xích đạo. B. nhiệt đới. C. ôn đới. D. hàn đới.

Câu 11: Vùng có mật độ dân số cao nhất của Hoa Kỳ là

- A. vùng Đông Bắc. B. vùng Đông Nam. C. vùng trung tâm. D. vùng phía Tây.

Câu 12: Ngành công nghiệp nào sau đây chiếm phần lớn trị giá xuất khẩu của Hoa Kỳ?

- A. Khai thác. B. Năng lượng. C. Chế biến. D. Điện lực.

Câu 13: Hiện nay các ngành nào sau đây của Hoa Kỳ được phát triển mạnh?

- A. Luyện kim, gia công đồ nhựa, hóa dầu. B. Đóng tàu, gia công đồ nhựa, hóa chất.
C. Điện tử - tin học, hàng không - vũ trụ. D. Hàng không - vũ trụ, đóng tàu, hóa chất.

Câu 14: Lãnh thổ Liên bang Nga bao gồm phần lớn đồng bằng

- A. Bắc Á và toàn bộ phần Đông Á. B. Đông Âu và toàn bộ phần Tây Á.
C. Bắc Á và toàn bộ phần Trung Á. D. Đông Âu và toàn bộ phần Bắc Á.

Câu 15. Ranh giới tự nhiên giữa châu Á và châu Âu trên lãnh thổ Liên bang Nga là
A. sông ô-bi. **B.** sông I-ê-nít-xây. **C.** dãy U-ran. **D.** sông Lê-na.

Câu 16. Phần lớn lãnh thổ Liên bang Nga có khí hậu

A. ôn đới hải dương. **B.** ôn đới lục địa. **C.** cận nhiệt đới. **D.** cực và cận cực.

Câu 17. Lãnh thổ Hoa Kỳ **không** tiếp giáp với đại dương nào sau đây?

A. Bắc Băng Dương. **B.** Đại Tây Dương. **C.** Ấn Độ Dương. **D.** Thái Bình Dương.

Câu 18. Phần lãnh thổ phía bắc Hoa Kỳ chủ yếu nằm trong đới khí hậu

A. xích đạo. **B.** nhiệt đới. **C.** ôn đới. **D.** hàn đới.

Câu 19. Dân cư Hoa Kỳ tập trung với mật độ cao nhất ở

A. ven Thái Bình Dương. **B.** ven Đại Tây Dương.
C. ven vịnh Mê-hi-cô. **D.** khu vực trung tâm.

Câu 20. Ngành nào sau đây tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu cho Hoa Kỳ?

A. Nông nghiệp. **B.** Thủy sản. **C.** Dịch vụ. **D.** Công nghiệp.

Câu 21. Ranh giới tự nhiên phân chia địa hình Liên bang Nga thành 2 phần: phía Đông và phía Tây là

A. sông ô-bi. **B.** sông I-ê-nít-xây. **C.** dãy U-ran **D.** sông Lê-na.

Câu 22. Phần lãnh thổ phía đông của Liên bang Nga có địa hình chủ yếu là

A. núi và cao nguyên. **B.** đồng bằng và vùng trũng.
C. bán bình nguyên và vùng trũng. **D.** đồng bằng và bán bình nguyên.

Câu 23. Thành phố đông dân nhất nhất ở Liên bang Nga là

A. Xanh Pê-téc-bua. **B.** Vla-đi-vô-xtôc. **C.** Mát-xcơ-va. **D.** Ê-ca-tê-rin-bua.

Câu 24. Loại rừng chiếm diện tích chủ yếu ở Liên bang Nga là

A. rừng lá kim. **B.** rừng lá cứng. **C.** rừng lá rộng. **D.** thường xanh.

Câu 25. Các mặt hàng xuất khẩu chính của Liên bang Nga là

A. máy móc, thiết bị. **B.** hàng dệt may, da giày.
C. ô tô, rau quả. **D.** dầu mỏ, khí tự nhiên.

Câu 26: Đặc điểm vị trí địa lí của Hoa Kỳ là

A. kéo dài từ chí tuyến Bắc đến xích đạo. **B.** nằm hoàn toàn trong nội địa.
C. tiếp giáp với Mê-hi-cô ở phía Bắc. **D.** nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây.

Câu 27: Ở phía Đông Bắc Hoa Kỳ có khoáng sản chủ yếu nào sau đây?

A. Kim loại đen. **B.** Kim loại màu. **C.** Năng lượng. **D.** Phi kim loại.

Câu 28: Ngành nào sau đây tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu cho Hoa Kỳ?

A. Nông nghiệp. **B.** Ngư nghiệp. **C.** Tiểu thủ công. **D.** Công nghiệp.

Câu 29: Ngành dịch vụ của Hoa Kỳ có

A. tỉ trọng trong GDP lớn nhất. **B.** số lượng lao động ít nhất.
C. tốc độ tăng trưởng rất chậm. **D.** hàng hóa ít có sự đa dạng.

Câu 30: Liên bang Nga giáp với các đại dương nào sau đây?

- A. Thái Bình Dương, Bắc Băng Dương. B. Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương.
C. Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương. D. Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương.

Câu 31: Sông nào sau đây được xem là ranh giới tự nhiên của phần phía Đông và phần phía Tây Liên bang Nga?

- A. Von-ga. B. Ô-bi. C. Ê-nit-xây. D. Lê-na.

Câu 32: Sông ngòi của Liên bang Nga có hướng chảy chủ yếu từ

- A. bắc xuống nam. B. nam lên bắc. C. tây sang đông. D. đông sang tây.

Câu 33: Đại bộ phận dân cư Liên bang Nga sống ở

- A. vùng Viễn Đông. B. phần Châu Âu thuộc Nga.
C. đồng bằng Tây Xi-bia. D. ven biển phía bắc và phía đông.

Câu 34: Địa hình phần lãnh thổ Hoa Kỳ nằm ở trung tâm lục địa Bắc Mỹ phân hóa thành 3 vùng là

- A. vùng phía Tây, vùng trung tâm, vùng phía Đông.
B. vùng phía Bắc, vùng Trung tâm, vùng phía Nam.
C. vùng Coóc-đi-e, vùng Trung tâm, vùng núi Apalát.
D. vùng Coóc-đi-e, vùng Apalát, ven Đại Tây Dương.

Câu 35: Công nghiệp Hoa Kỳ có sự dịch chuyển phân bố từ vùng Đông Bắc đến

- A. vùng phía Nam và vùng phía Tây. B. vùng phía Bắc và phía Nam.
C. ven Đại Tây Dương và phía Nam. D. vùng Trung tâm và phía Bắc.

Câu 36: Công nghiệp khai thác dầu khí của Liên bang Nga phân bố chủ yếu ở vùng nào dưới đây?

- A. Vùng Viễn Đông. B. Đồng bằng Đông Âu, dãy Véc-khôi-an.
C. Lãnh thổ phía nam. D. Đồng bằng Tây Xi-bia, khu vực dãy U-ran.

Câu 37: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với tự nhiên phần phía Đông của Liên bang Nga?

- A. Phần lớn là núi và cao nguyên. B. Có tài nguyên lâm sản lớn.
C. Có trữ năng thủy điện lớn. D. Đất hẹp nhưng rất màu mỡ.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (2 ĐIỂM)

Câu 1: Cho thông tin sau:

Liên bang Nga có diện tích khoảng 17 triệu km², trải theo chiều bắc - nam từ khoảng vĩ độ 41°11'B đến vĩ độ 77°43'B và theo chiều đông - tây từ khoảng kinh độ 27°Đ đến kinh độ 169°40'T. Lãnh thổ bao gồm phần lớn đồng bằng Đông Âu, toàn bộ phần Bắc Á và tỉnh Ca-li-nin-grát nằm biệt lập; kéo dài từ biển Ban-tích ở phía tây đến Thái Bình Dương ở phía đông, từ Bắc Băng Dương ở phía bắc đến Biển Đen và biển Ca-xpi ở phía nam. Giáp nhiều quốc gia với đường biên giới xấp xỉ chiều dài xích đạo.

- Vị trí địa lý của Liên bang Nga gây khó khăn cho quản lý vùng biên giới.
- Lãnh thổ Liên bang Nga trải dài trên nhiều kinh, vĩ tuyến.
- Lãnh thổ Liên bang Nga chỉ thuộc phạm vi châu Âu.

d) Liên bang Nga chỉ giáp với nhiều quốc gia nhưng tiếp giáp với ít biển, đại dương.

→ **Đáp án: a,b: đúng; c,d: sai.**

Câu 2. Cho thông tin sau:

Liên bang Nga có số dân đông thứ 9 trên thế giới (năm 2020). Dân số Liên bang Nga có xu hướng tăng chậm và cơ cấu dân số già. Ngoài ra, dân cư phân bố không đều gây trở ngại cho việc sử dụng lao động và khai thác lãnh thổ; nhiều vùng giàu tài nguyên nhưng thiếu lao động tại chỗ để khai thác.

a) Dân số đông nhưng tăng chậm và cơ cấu dân số trẻ đã khiến cho Liên bang Nga thiếu hụt về nguồn lao động, tăng chi phí phúc lợi xã hội.

b) Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Liên bang Nga khá cao, cơ cấu dân số già.

c) Mật độ dân số trung bình của Liên bang Nga thấp, tập trung nhiều nhất ở các vùng phía Tây.

d) Các đô thị ở Liên bang Nga chủ yếu thuộc loại nhỏ, và trung bình.

→ **Đáp án: c, d: đúng; a,b: sai.**

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau.

Liên bang Nga có dân đông thứ 9 trên thế giới (năm 2020). Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên rất thấp, có giá trị âm trong nhiều năm. Tỷ lệ dân số ở nhóm từ 65 tuổi trở lên tăng, tuổi thọ trung bình là 73 tuổi (năm 2020).

a) Liên bang Nga có cơ cấu dân số già.

b) Dân số Liên bang Nga giảm là do gia tăng dân số tự nhiên có chỉ số âm và do di cư.

c) Vấn đề dân cư mà Nhà nước Liên bang Nga quan tâm nhất hiện nay là mật độ dân số thấp.

d) Dân cư phân bố không đồng đều, chủ yếu tập trung ở khu vực phía Nam lãnh thổ.

→ **Đáp án: a,b: đúng; c,d: sai.**

Câu 4. Cho đoạn thông tin sau:

Hoa Kỳ là quốc gia có lãnh thổ rộng lớn, với khoảng 9,5 triệu km². Hoa Kỳ nằm gần như ở bán cầu Tây, phần lãnh thổ trung tâm Bắc Mỹ kéo dài từ 49°23'B đến 24°32'B và từ 67°T đến 124°44'T. Phía bắc Hoa Kỳ giáp với Canada, phía nam giáp với Mêhicô. Bang Alaska giáp với Canada ở phía đông, Bắc Băng Dương ở phía bắc. Phía đông và phía tây là hai đại dương lớn: Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

a) Phần lớn Hoa Kỳ nằm trong đới khí hậu nhiệt đới.

b) Hoa Kỳ là quốc gia rộng lớn nhất ở Bắc Mỹ.

c) Lãnh thổ rộng lớn của Hoa Kỳ làm cho tự nhiên thay đổi từ bắc xuống nam, từ thấp lên cao.

d) Vị trí của Hoa Kỳ tạo điều kiện giao lưu kinh tế bằng đường biển qua Đại Tây Dương với các nước Châu Phi và Châu Âu.

→ **Đáp án: c, d: đúng; a, b: sai.**

Câu 5. Cho thông tin sau:

Hoa Kỳ là quốc gia rộng lớn với diện tích khoảng 9,8 triệu km². Hoa Kỳ nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây, phần lãnh thổ trung tâm Bắc Mỹ kéo dài từ 49°23'B đến 24°32'B và từ 67°T đến 124°44'T. Phía bắc Hoa Kỳ giáp với Ca-na-đa, phía nam giáp với Mê-hi-cô. Bang A-la-xca giáp với Ca-na-đa ở phía đông, Bắc Băng Dương ở phía bắc. Phía đông và phía tây là hai đại dương lớn: Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

- a) Bán đảo A-la-xca nằm ở phía đông bắc của Bắc Mỹ.
 b) Lãnh thổ Hoa Kỳ trải dài trên cả hai bán cầu là bán cầu bắc và bán cầu nam.
 c) Giáp Ca-na-đa và Mê-hi-cô nên có thị trường tiêu thụ rộng lớn.
 d) Vị trí của Hoa Kỳ tạo điều kiện giao lưu kinh tế với các nước trên thế giới bằng đường biển.

PHẦN III: TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN (2 ĐIỂM)

Câu 1: Cho bảng số liệu

GDP CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2005-2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2005	2014	2018	2020
GDP	13,039	17,550	20,527	20,893

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy tính tốc độ tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ năm 2020 so với năm 2005? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

→ **Đáp án: 160**

Câu 2. Liên Bang Nga có diện tích là 17 triệu km², số dân năm 2020 là 145,9 triệu người (Nguồn: WB, 2022). Tính mật độ dân số của Liên Bang Nga năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km²).

→ **Đáp án: 9**

Câu 4: Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA LIÊN BANG NGA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020 (Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2015	2017	2020
Nhập khẩu hàng hóa	193,0	283,1	239,6
Xuất khẩu hàng hóa	341,1	352,9	333,4

(Nguồn: WB, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên tính cán cân xuất nhập khẩu của Liên Bang Nga năm 2020? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của tỉ USD.)

→ **Đáp án: 93,8**

Câu 5. Cho bảng số liệu sau:

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ CỦA LIÊN BANG NGA, GIAI ĐOẠN 2000 – 2020.

(Đơn vị: tỉ
USD)

Năm	2000	2010	2015	2020
Trị giá				
Xuất khẩu	114,4	444,5	391,4	378,6
Nhập khẩu	62,5	322,4	281,6	305,0

Căn cứ vào bảng số liệu tính tốc độ tăng trưởng trị giá xuất khẩu của Liên Bang Nga năm 2020 so với năm 2000? (làm tròn đến hàng đơn vị của %)

→ **Đáp án: 230**

Câu 6: Cho bảng số liệu

**SẢN LƯỢNG THUỶ SẢN PHÂN THEO KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG CỦA
LIÊN BANG NGA GIAI ĐOẠN 2000-2020**

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2000	2010	2020
Khai thác	4027,4	4075,8	5081,0
Nuôi trồng	77,1	121,0	219,2

Căn cứ vào bảng số liệu trên cho biết ngành nuôi trồng chiếm tỉ trọng bao nhiêu trong cơ cấu sản lượng thủy sản của Liên bang Nga năm 2020? (làm tròn đến số thập phân thứ nhất của %)

→ **Đáp án: 4,1**

PHẦN IV : TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

Câu 1: Cho bảng số liệu:

**TRỊ GIÁ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA KHU VỰC
ĐÔNG NAM Á GIAI ĐOẠN 2010 - 2020 (Đơn vị: tỉ USD)**

Năm	2010	2015	2020
Trị giá			
Xuất khẩu	1244,9	1506,	1676,3
Nhập khẩu	1114,4	1381,5	1526,6

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, năm 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu trị giá xuất nhập khẩu của khu vực Đông Nam Á, giai đoạn 2010 - 2020, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Tròn. **B.** Miền. **C.** Kết hợp. **D.** Đường

Câu 2. Cho bảng số liệu:

**TRỊ GIÁ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA EU, GIAI
ĐOẠN 2000 -2021.**

Năm	2000	2005	2010	2015	2021
Xuất khẩu	2591	4458	5865	6382	8670,6
Nhập khẩu	2535	4271	5633	5789	8016,6

(Nguồn: WB, năm 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của EU, giai đoạn năm 2000 - 2021, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Đường. **B.** Kết hợp. **C.** Miền.

D. Tròn.

Câu 3: Cho bảng số liệu:

**GDP VÀ TỐC ĐỘ TĂNG GDP CỦA KHU VỰC ĐÔNG NAM Á, GIAI ĐOẠN
2000 – 2020.**

Năm	2000	2010	2019	2020
Tiêu chí				
GDP theo giá hiện hành (tỉ USD)	614,7	2017,3	3314,1	3083,3
Tốc độ tăng GDP (%)	7,0	7,8	4,5	-1,1

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, năm 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện qui mô GDP và tốc độ tăng GDP của khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2000 - 2020, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Tròn. **B.** Cột. **C.** Kết hợp. **D.** Đường.

Câu 1: Chọn các dạng biểu đồ, Rút ra nhận xét bảng số liệu.

Câu 2: Liên hệ về mối quan về thương mại giữa Nga, Hoa Kỳ với Việt Nam.

Câu 3: Giải thích các vấn đề Kinh tế- xã hội của Hoa Kỳ Và Liên Bang Nga.